SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số : 1216/5/BBLM-TTQTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TT Huế, ngày 16 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN LẤY MẪU

V/v: Quan trắc tiếng ồn khu vực xung quanh nhà hàng Nam Châu Hội Quán theo phản ánh của công dân trên Hue-S)

- Đơn vị yêu cầu: Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố Huế
- Địa chỉ: 24 Tô Hữu, TP Huế
- Thực hiện lấy mẫu: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Thừa Thiên Huế
- Mục đích lấy mẫu: Phân tích, đánh giá chất lượng môi trường.
- Loại mẫu: Không khí
- Vị trí lấy mẫu:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian	Toạ độ GPS (WGS-84)	
				Kinh độ	Vĩ độ
1	KVX1.1	Trước nhà số 6 hẻm 3 đường Văn Xuân (Trước 21h)	Từ 19 h 58 Đến 20 h 31	107,567625	16,461908
2	KVX2.1	Trước nhà số 12 hẻm 3 đường Văn Xuân (Trước 21h)	Từ 20 h 03 Đến 20 h 33	107,567353	16,461711
3	KVX1.2	Trước nhà số 6 hẻm 3 đường Văn Xuân (Sau 21h)	Từ 21 h 13 Đến 21 h 44	107,567625	16,461908
4	KVX2.2	Trước nhà số 12 hẻm 3 đường Văn Xuân (Sau 21h)	Từ 21 h 07 Đến 21 h 38	107,567353	16,461711
5			Từ ..... h ..... Đến ..... h	.....	.....
6			Từ ..... h ..... Đến ..... h	.....	.....

- Thiết bị đo vi khí hậu: Máy đo vi khí hậu Lutron *(Model: LM 8010. Made in: Đài Loan)*
- Thiết bị đo tiếng ồn: Máy đo độ ồn Rion (Model: NL 42. Made in: Nhật Bản)
- Thiết bị đo độ rung: Máy đo độ rung Aco (Model: Type 3233, Made in: Nhật Bản)
- Dạng mẫu: Mẫu đơn: ☐ Mẫu tổ hợp: ☐
- Dụng cụ đựng mẫu: Chai nhựa PE ☐ Chai thuỷ tinh ☐
- Đặc điểm thời tiết và điều kiện môi trường xung quanh:
  Tại thời điểm lấy mẫu nhà hàng hoạt động bình thường

- Kết quả đo/thử, lấy mẫu tại hiện trường:

tt	Chỉ tiêu	Phương pháp đo	Đơn vị	Kết quả đo/thử					
				LD1	*LD2*	*LD1*	*LD2*	*LD1*	*LD2*
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	^0C						
2	Độ ẩm		%						
3	Tốc độ gió		m/s						
4	Ánh sáng		Lux						
5	Áp suất		kPa						
6	TSP	TCVN 5067:1995	m^3						
7	PM 10	AS/NZS 3580.9.6:2003	m^3						
8	PM 2.5	AS/NZS 3580.9.7:2003	m^3						
9	Bụi tổng	TCVN 5704:1993	m^3						
10	Chì Bụi	TCVN 5067:1995	Lít						
11	SO_2	TCVN 5971:1995	Lít						
12	NO_2	TCVN 6137:2009	Lít						
13	C_XH_Y	NIOSH Method 1500	Lít						
14	VOCs	NIOSH Method 1501	Lít						
15	NH_3	TCVN 5293:1995	Lít						
16	CO	ASTM 1945	Lít						
17	O_3	MASA Method 411	Lít						
18	H_2S	MASA Method 701	Lít						
19	CH_4	ASTM 1945	Lít						
20	Suất liều bức xạ	HD 08.37/TTQTH	µSv/h						
21	Gia tốc Rung	TCVN 6963:2001	dB						

Ghi chú: LD1: kết quả đo lần thứ nhất, LD2: kết quả đo lần thứ hai

	Chỉ tiêu	Phương pháp/ thiết bị đo thử	Đơn vị	Kết quả đo/thử											
				KVX1.1: Từ 19h58 đến 20h31						KVX2.1: Từ 20h03 đến 20h33					
				Leq			Lmax			Leq			Lmax		
				LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3
1	Độ ồn	TCVN 7878-2:2010	db(A)	61,0	60,5	57,8				52,6	52,1	51,6			

	Chỉ tiêu	Phương pháp/ thiết bị đo thử	Đơn vị	KVX1.2: Từ 21h13 đến 21h44						KVX2.2: Từ 21h07 đến 21h38					
				Leq			Lmax			Leq			Lmax		
				LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3
1	Độ ồn	TCVN 7878-2:2010	db(A)	54,3	52,3	53,7				53,1	53,0	52,1			

Ghi chú: LD1: kết quả đo lần thứ nhất, LD2: kết quả đo lần thứ hai, LD3: kết quả đo lần thứ ba

Cường độ dòng xe																							
.....: Từ.....đến.....												.....: Từ.....đến.....											
Mô tô, xe máy			Ô tô con			Xe tải hạng nhẹ và xe khách			Xe tải hạng nặng và xe buýt			Mô tô, xe máy			Ô tô con			Xe tải hạng nhẹ và xe khách			Xe tải hạng nặng và xe buýt		
LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3
n=.....												n=.....											
.....: Từ.....đến.....												.....: Từ.....đến.....											
Mô tô, xe máy			Ô tô con			Xe tải hạng nhẹ và xe khách			Xe tải hạng nặng và xe buýt			Mô tô, xe máy			Ô tô con			Xe tải hạng nhẹ và xe khách			Xe tải hạng nặng và xe buýt		
LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3
n=.....												n=.....											

Ghi chú: Xác định cường độ dòng xe chỉ áp dụng đối với đo tiếng ồn giao thông đường bộ

- Nhân lực thực hiện:

Stt	Họ và tên	Phân công nhiệm vụ				Ghi chú
		Lấy mẫu	Đo/thử	Ghi chép	Vận chuyển	
1	Phan Minh Hoà	x	x	x		
2	Phan Văn Quốc	x	x	x		
3						
4						
5						

Phương pháp bảo quản và vận chuyển mẫu:

+ Yêu cầu khi bảo quản và vận chuyển mẫu: Đậy kín mẫu, bảo quản lạnh, tránh ánh sáng và nhiễm bẩn

+ Phương tiện vận chuyển: Ô tô ☑ Xe máy ☐

+ Thời gian vận chuyển đến phòng thử nghiệm: Trong ngày

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ	ĐẠI DIỆN ĐOÀN THANH/KIỂM TRA	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU	LÃNH ĐẠO PHÒNG QUAN TRẮC
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
phan Thị Hồng Thắng T.T.P.P.13	PTNMT TP Nỗ lực phúc UBND phường kim long	Phan Minh Hoà	
Lê Xuân Quang	Trần Trung Hiếu		
Đại diện người dân			
	Vạn Xuân)		